

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2022/DS-ST
Ngày 15-8-2022
V/v tranh chấp hợp đồng chuyển
nhượng quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Như

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dư Văn Thanh.

Ông Phạm Hữu Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Chí Thức, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đồ Ngọc Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 126/2021/TLST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2022/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Lê D, sinh năm 1972; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp C, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh; Chỗ ở hiện nay: Số 437/30/17, đường Q(nay là đường V), khóm Y, phường K, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1978; Chỗ ở hiện nay: Số 76 đường T, Khóm B, Phường M, Thành phố L, tỉnh An Giang (vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị Hồng H1, sinh năm 1982; Địa chỉ: số 15, đường số 21, Khu D, phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/3/2021 của nguyên đơn và lời trình bày của nguyên đơn:

Vào ngày 15/8/2012, ông Nguyễn Lê D có nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Minh H và bà Nguyễn Thị Hồng H1 thửa đất số 128, tờ bản đồ số 4,

diện tích 91,5m², loại đất thổ cư, tọa lạc tại khóm 5, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (sau đây viết tắt là thửa 128) với giá 40.000.000 đồng. Đất này đã được UBND thị xã Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X394384, số vào sổ 3427 ngày 29/4/2003 cho hộ ông Phan Hoàng Nam, từ tháng 11/2004 chuyển nhượng lại cho ông H và bà H1.

Khi chuyển nhượng, ông H và bà H1 là vợ chồng sống chung tại nhà số 129/3, đường Nguyễn Đình Chiểu, phường 4, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng và 2 bên có làm Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nhưng vì lúc này ông D khó khăn về kinh tế nên không đi công chứng và làm thủ tục sang tên chủ quyền.

Sau khi ký hợp đồng, ông Nguyễn Lê D đã trả đủ tiền cho ông H và bà H1; Ông H và bà H1 cũng đã giao đất cho ông Nguyễn Lê D. Đầu năm 2013, ông Nguyễn Lê D đã xây nhà kiên cố trên đất và ở từ đó tới nay. Đến năm 2020, ông D đã nhiều lần liên hệ yêu cầu ông H và bà H1 công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất để ông D làm thủ tục đăng ký sang tên chủ quyền nhưng ông H, bà H1 không hợp tác mà nói là đất đã bán cho ông D rồi nên không còn trách nhiệm nữa. Việc làm này của ông H và bà H1 đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Lê D.

Nay ông Nguyễn Lê D yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng giải quyết như sau: Công nhận cho ông Nguyễn Lê D được quyền sử dụng thửa đất số 128 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số X394384, số vào sổ 3427 ngày 29/4/2003 được UBND thị xã (nay thành phố) Sóc Trăng cấp cho hộ ông Phan Hoàng Nam (ông H và bà H1 nhận chuyển nhượng lại từ tháng 11/2004).

Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn: Một (01) Giấy CMND tên Nguyễn Lê D (bản sao có chứng thực); Một (01) sổ hộ khẩu chủ hộ tên Nguyễn Lê D (bản sao có chứng thực); Một (01) Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (bên chuyển nhượng Nguyễn Minh H, Nguyễn Thị Hồng H1; bên nhận chuyển nhượng Nguyễn Lê D (bản sao không chứng thực); Một (01) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 3427 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay thành phố) Sóc Trăng cấp ngày 29/4/2003 cho hộ ông Phan Hoàng Nam đến tháng 11/2004 chuyển nhượng toàn bộ diện tích cho hộ ông Nguyễn Minh H (bản sao có chứng thực);

Đối với bị đơn ông Nguyễn Minh H trình bày theo biên bản ghi lời khai ngày 03/6/2022: Ông và bà Nguyễn Thị Hồng H1 đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Lê D và nhận tiền 40 triệu đồng, đồng thời giao phần đất cho ông D quản lý sử dụng từ năm 2012; và theo đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, ngày 03/6/2022 của ông Nguyễn Minh H đều đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng H1 Tòa án tiến hành các hoạt động tố tụng theo địa chỉ số 15, đường số 21, Khu D, phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng do nguyên đơn cung cấp cùng với chính quyền địa phương, nhưng bà Nguyễn Thị Hồng H1 từ chối nhận văn bản tố tụng.

Tòa án thu thập tài liệu, chứng cứ:

Tại Công văn số 135/CNTPST ngày 12/4/2022 về việc cung cấp thông tin về tài sản của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Sóc Trăng thể hiện ông Nguyễn Minh H, bà Nguyễn Thị Hồng H1 nhận chuyển nhượng từ ông Phan Hoàng Nam, hết diện tích 91,5m² theo Hợp đồng chuyển nhượng đã được UBND Phường 2 và Phòng địa chính – Nhà đất xác nhận ngày 05/11/2004. Hộ Nguyễn Minh H đã chuyển mục đích sử dụng từ loại đất LN sang đất T, diện tích 91,5m² theo quyết định số 2557/QĐ.HC.UBTX, ký ngày 15 tháng 11 năm 2004 của Chủ tịch UBND thị xã Sóc Trăng. Diện tích thực tế hộ Nguyễn Minh H sử dụng là 91,5m² (T:91,5m²).

Theo kết quả đo đạc và xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án ngày 13/6/2022 và Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Sóc Trăng:

Phần diện tích tranh chấp do nguyên đơn chỉ ranh, diện tích 91,5m², loại đất ODT; thuộc thửa đất số 128;

Phía Bắc giáp: Thửa đất số 144, tên ông Nguyễn Hoàng Phúc;

Phía Nam giáp: Thửa đất số 110, tên Huỳnh Lệ Trang;

Phía Đông giáp: Hẻm 437/50 (đường Võ Văn Kiệt), Khóm 5, Phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

Phía Tây giáp: Mương nước;

Tài sản trên đất, được xây dựng năm 2013: Căn nhà số: 437/30/17, đường Võ Văn Kiệt, khóm 5, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng được Ủy ban nhân dân Phường 2, thành phố Sóc Trăng chứng nhận số nhà, diện tích ngang 4,05m x dài 17m = 68,85 m², kết cấu: nền lát gạch men, vách tường gạch, trần la phong sàn gác gỗ, lợp tôn (gác gỗ lửng phía sau dài 8,1m).

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án nhận chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự: Bị đơn ông Nguyễn Minh H thừa nhận, bà Nguyễn Thị Hồng H1 không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu mà ông Nguyễn Lê D đã trình bày và giao nộp cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Nguyễn Lê D khởi kiện ông Nguyễn Minh H và bà Nguyễn Thị Hồng H1, yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận Quyền sử dụng đất theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, ông Nguyễn Minh H, bà Nguyễn Thị Hồng H1, có địa chỉ theo hợp đồng là 129/3 đường Nguyễn Đình Chiểu, Khóm 2,

Phường 4, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, điểm g Khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp là Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

[2] Đối với bị đơn ông Nguyễn Minh H vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; bà Nguyễn Thị Hồng H1 quá trình tố tụng Tòa án tiến hành cấp tổng đạt văn bản tố tụng cùng với chính quyền địa phương đối với bà Nguyễn Thị Hồng H1 theo địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp, bà Nguyễn Thị Hồng H1 từ chối nhận văn bản tố tụng theo quy định tại khoản 4 Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định: Ông Nguyễn Minh H, bà Nguyễn Thị Hồng H1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[3] Căn cứ vào tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92; Khoản 1 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định: Vào ngày 15/8/2012, ông Nguyễn Lê D có nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Minh H và bà Nguyễn Thị Hồng H1 thửa đất số 128, với giá 40.000.000 đồng; ông Nguyễn Lê D đã được ông Nguyễn Minh H, bà Nguyễn Thị Hồng H1 giao đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Nguyễn Minh H và bà Nguyễn Thị Hồng H1 đã nhận đủ số tiền chuyển nhượng từ ông Nguyễn Lê D. Giữa ông Nguyễn Minh H, bà Nguyễn Thị Hồng H1 và ông Nguyễn Lê D chưa làm thủ tục công chứng tại Văn phòng công chứng và làm thủ tục sang tên từ ông Nguyễn Minh H, bà Nguyễn Thị Hồng H1 sang cho ông Nguyễn Lê D. Như vậy, tại thời điểm giao kết hợp đồng các bên đều có năng lực hành vi dân sự; mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; các bên tham gia giao dịch là hoàn toàn tự nguyện phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 122 Bộ luật dân sự 2005.

[4] Căn cứ thực tế sử dụng thửa đất số 128, theo lời khai của nguyên đơn ông Nguyễn Lê D và bị đơn ông Nguyễn Minh H, vào thời điểm ký hợp đồng năm 2012, ông Nguyễn Lê D đã trực tiếp nhận quyền sử dụng thửa đất số 128 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số X394384, số vào sổ 3427 ngày 29/4/2003 được UBND thị xã (nay thành phố) Sóc Trăng cấp cho hộ ông Phan Hoàng Nam (ông H, bà H1 nhận chuyển nhượng lại từ tháng 11/2004); năm 2013, ông Nguyễn Lê D đã xây dựng căn nhà trên đất diện tích ngang 4,05m x dài 17m = 68,85 m² và ông Nguyễn Lê D quản lý, sử dụng cho đến nay.

[5] Về pháp luật áp dụng nội dung: Theo quy định tại Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều khoản chuyển tiếp: “1. Đối với giao dịch dân sự được xác lập trước ngày Bộ luật này có hiệu lực thì việc áp dụng pháp luật được quy định như sau: ...b) Giao dịch dân sự chưa được thực hiện hoặc đang được thực hiện mà có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật này thì áp dụng quy định của Bộ luật này”; Đối với tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất mà ông Nguyễn Lê D yêu cầu Tòa án giải quyết đang thực

hiện có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự 2015 nên pháp luật áp dụng nội dung theo quy định Bộ luật dân sự 2015.

[6] Theo Điều 500 Bộ luật dân sự 2015. Hợp đồng về quyền sử dụng đất là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó người sử dụng đất ..., chuyển nhượng, ... quyền sử dụng đất hoặc thực hiện quyền khác theo quy định của Luật đất đai cho bên kia; bên kia thực hiện quyền, nghĩa vụ theo hợp đồng với người sử dụng đất. Điều 502 Bộ luật dân sự 2015. Hình thức, thủ tục thực hiện hợp đồng về quyền sử dụng đất. 1. Hợp đồng về quyền sử dụng đất phải được lập thành văn bản theo hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật này, pháp luật về đất đai và quy định khác của pháp luật có liên quan. Theo đó, tại điểm a Khoản 3 Điều 167 Luật đất đai 2013: “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phải được công chứng hoặc chứng thực,...”

[7] Theo quy định tại Khoản 2 Điều 129 Bộ luật dân sự 2015: “Giao dịch dân sự đã được xác lập bằng văn bản nhưng vi phạm quy định bắt buộc về công chứng, chứng thực mà một bên hoặc các bên đã thực hiện ít nhất hai phần ba nghĩa vụ trong giao dịch thì theo yêu cầu của một bên hoặc các bên, Tòa án ra quyết định công nhận hiệu lực của giao dịch đó. Trong trường hợp này, các bên không phải thực hiện việc công chứng, chứng thực”.

[8] Như vậy, tại thời điểm chuyển nhượng quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang đứng tên bị đơn là đã đủ điều kiện để chuyển nhượng. Tuy giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất của các bên không tuân thủ về hình thức được quy định tại khoản 1 Điều 502 Bộ luật Dân sự năm 2015 nhưng bên nguyên đơn đã thực hiện giao cho phía bị đơn hết số tiền (40 triệu đồng), phía bị đơn đã giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sử dụng đất trên thực tế từ năm 2012 cho nguyên đơn là đã thực hiện hơn 2/3 nghĩa vụ trong giao dịch nên theo quy định tại Điều 116, khoản 2 Điều 129 của Bộ luật dân sự 2015 giao dịch được công nhận hiệu lực. Khi Tòa án công nhận hiệu lực của giao dịch thì nguyên đơn liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được công nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất theo bản án đã có hiệu lực pháp luật.

[9] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng là đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10]. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn ông Nguyễn Lê D tự nguyện đồng ý chịu toàn bộ số tiền 950.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của ông D.

[11]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên ông Nguyễn Minh H, bà Nguyễn Thị Hồng H1 là bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, điểm g Khoản 1 Điều 40; Khoản 2 Điều 92, Khoản 1 Điều 95, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tổ tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 116, khoản 2 Điều 129, Điều 500, Điều 502; điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Lê D:

Công nhận hiệu lực của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 128, tờ bản đồ số 4, diện tích $91,5m^2$, loại đất thổ cư, tọa lạc tại khóm 5, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, giữa ông Nguyễn Lê D với ông Nguyễn Minh H và bà Nguyễn Thị Hồng H1.

Ông Nguyễn Lê D có quyền sử dụng thửa đất số 128, tờ bản đồ số 4, diện tích $91,5m^2$, loại đất thổ cư, tọa lạc tại khóm 5, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

Ông Nguyễn Lê D có nghĩa vụ liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất (Căn nhà số: 437/30/17, đường Võ Văn Kiệt, khóm 5, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, diện tích ngang $4,05m$ x dài $17m = 68,85 m^2$, kết cấu: nền lát gạch men, vách tường gạch, trần la phong sàn gác gỗ, lợp tôn (gác gỗ lửng phía sau dài $8,1m$)), đối với thửa đất số 128, tờ bản đồ số 4, diện tích $91,5m^2$, loại đất thổ cư, tọa lạc tại khóm 5, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, có tứ cận:

Phía Bắc giáp: Thửa đất số 144, tên ông Nguyễn Hoàng Phúc;

Phía Nam giáp: Thửa đất số 110, tên Huỳnh Lê Trang;

Phía Đông giáp: Hẻm 437/50 (đường Võ Văn Kiệt), Khóm 5, Phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

Phía Tây giáp: Mương nước;

(có số đo theo sơ đồ hiện trạng kèm theo)

2/. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn ông Nguyễn Lê D đồng ý chịu toàn bộ số tiền 950.000đồng (Chín trăm năm mươi nghìn đồng). Ông Nguyễn Lê D thực hiện xong chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

3/. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Lê D không phải chịu, trả lại cho ông Nguyễn Lê D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0007746 ngày 06/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Ông Nguyễn Minh H, bà Nguyễn Thị Hồng H1 phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng)

4/. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được cấp tổng đạt hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Sóc Trăng;
- Chi cục THADS TP. Sóc Trăng;
- TAND T. Sóc Trăng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Võ Văn Như